TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Ngô Thị Quyên.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**.
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Tấn Thành** - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, về tranh chấp *"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị G** – sinh ngày: 10/10/1987 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp F, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp F, phường T, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoài H** - sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Giàu C đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2025 chị Nguyễn Thị G trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoài H do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp). Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh H đã không còn sống chung với nhau từ

năm 2018 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có một người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 24/10/2016. Hiện nay cháu T đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh H đã được Tòa án tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh H không đến Tòa án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Giàu có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long) giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị G và bị đơn anh H, anh H có nơi cư trú tại ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long). Theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

Nguyên đơn chị Giàu có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị G. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh H vắng mặt, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H cũng không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh H do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H,

tỉnh Đồng Tháp (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 14/9/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo chị G trình bày thì thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị G và anh H không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị G yêu cầu ly hôn với anh H, anh H vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G.

Về con chung: Chị G và anh H có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 24/10/2016. Hiện nay cháu T đang sống chung với chị G. Sau khi ly hôn chị G yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị G và anh H không còn chung sống với nhau cho đến nay thì cháu T sống chung với chị G và tại bảng khai ý kiến ngày 14/5/2025 của cháu T thì nguyện vọng của cháu T được sống chung với chị G. Anh H vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G nên giao cháu T cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị G phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Hoài H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Hoài H có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 24/10/2016. Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T cho chị Nguyễn Thị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hoài H không phải

cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Hoài H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Hoài H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị G đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0010111, ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Vĩnh Long). Chị Nguyễn Thị G đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường Thường Lạc, Tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Ngô Thị Quyên